

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày 03/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Trọng Trung.

2. Ông Đàm Sông Hương.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 18/02/2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Dương Hoàng L, sinh ngày 13/3/1994 tại huyện T, tỉnh Q.

Nơi cư trú: Thôn 2 xã B, huyện T, tỉnh Q.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phạm Văn Đ, sinh năm 1957 (đã chết); con bà: Dương Thị L, sinh năm 1959. Hiện trú tại: Xã B, huyện T, tỉnh Q.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Nguyễn Quốc T, sinh ngày 14/5/1995 tại huyện N, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn T, sinh năm 1965; con bà: Đoàn Thị N, sinh năm 1969. Hiện đều trú tại: Xã H, huyện N, tỉnh T.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

3. Trương Công H, sinh ngày 18/10/1996 tại huyện N, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện N, T.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 06/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Trương Công B, sinh năm 1950; con bà: Trần Thị L, sinh năm 1951. Hiện đều trú tại: Xã H, huyện N, tỉnh T.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị hại: Tập đoàn Bưu chính viễn thông V.

Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức L - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hà T - Giám đốc Trung tâm viễn thông V (theo giấy ủy quyền số 6529/GUQ-VNPT-KTPCTT ngày 30/11/2020) - Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tờ 5, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/11/2020 Phạm Dương Hoàng L, Nguyễn Quốc T và Trương Công H đi chơi (*đi phượt*) đến huyện T, tỉnh L và thuê phòng nghỉ tại đây. Do sắp hết tiền tiêu sài nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là dây tiếp địa của các trạm thu phát sóng di động nên đã rủ T và H cùng tham gia thực hiện. L nói “*Bây giờ sắp hết tiền rồi, phải nghĩ cách kiếm tiền để về quê*”, T và H hỏi “*có cách gì kiếm tiền*”, L nói “*đi cắt trộm dây tiếp địa ở trạm viễn thông bán lấy tiền, dây này có lõi bằng đồng và không có điện*”. T và H đồng ý. Sau đó T, L, H đi mua 02 kìm cắt bằng kim loại; 02 chiếc cà lê cỡ 13; 01 dao dọc giấy và 01 ba lô bằng vải màu đen để đựng tài sản trộm cắp rồi đi về nhà nghỉ. Trong khoảng thời gian ngắn từ ngày 22/11/2020 đến ngày 23/11/2020, các bị cáo Phạm Dương Hoàng L, Nguyễn Quốc T và Trương Công H đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn xã M, T, D và K, huyện V, cụ thể:

- **Lần thứ nhất:** Khoảng khoảng 11 giờ, ngày 22/11/2020, T chở L bằng xe mô tô Sirius biển kiểm soát 75B1 - 254.18 là xe của T, H đi một mình bằng xe mô tô Airblade biển kiểm soát 75M1 - 034.88 đi từ huyện T tỉnh L theo quốc lộ 279 đến huyện V tìm trạm viễn thông trộm cắp dây tiếp địa. Khi đi đến địa phận thôn 2 M, xã M, L, T và H phát hiện có cột phát sóng của trạm thu phát sóng di động ở trên đồi phía bên trái đường quốc lộ nên đã điều khiển xe rẽ vào đường liên thôn phía bên trái đi được khoảng 300m thì dừng xe lại, L và T bảo H ở lại trông xe và canh giới. L và T mỗi người mang theo 01 cà lê, 01 kìm cắt và ba lô màu đen đi bộ 32 mét theo lối mòn đến khu vực trạm thu phát sóng viễn thông. L quan sát thấy trạm thu phát sóng của mạng V có 02 dây tiếp địa vỏ nhựa màu vàng, sọc xanh nổi từ trong nhà trạm lên đỉnh cột phát sóng thì nói cho T biết đây là dây tiếp địa lõi bằng đồng, không có điện và bảo T trèo lên trên cột phát sóng cắt 02 đầu dây này bên trên. T trèo lên cột phát sóng đến cuối 02 dây tiếp địa nối với hộp thiết bị, tay trái bám vào cột, tay phải cầm kìm cắt đứt 02 dây tiếp địa ở vị trí gần nối với hộp thiết bị rồi trèo xuống đất. L ở dưới dùng kìm cắt đứt 02 dây tiếp địa ở vị trí gần bắt vít với bảng đồng nối vào nhà trạm phát sóng. Khi cắt xong, L và T cuộn 02 dây cho vào balo màu đen mang ra chỗ H đang đứng đợi đặt lên giá để hàng phía trước xe mô tô của H rồi tiếp tục di chuyển về xã T theo đường Quốc lộ.

Khi đi đến địa phận thôn T, xã T, L, T, H phát hiện cột thu phát sóng di động ở trên đồi phía bên phải đường quốc lộ nên đã điều khiển xe đi rẽ phải vào lối đi bằng đất khoảng 150 mét thì dừng xe lại, H tiếp tục ở lại trông xe và cảnh giới còn L và T cầm cà lê, kìm cắt đi bộ lên đồi. Khi đi được một đoạn do đường dốc, khó đi nên L bảo T đi lên trạm thu phát sóng một mình nếu thấy dây vỏ vàng sọc xanh thì cắt còn L quay lại chỗ H trông xe và cảnh giới. T đồng ý đi bộ một mình đến khu vực trạm thu phát sóng cách vị trí dừng xe 350 mét thấy trạm thu phát sóng của mạng V có 01 dây tiếp địa vỏ nhựa vàng sọc xanh nổi từ trong nhà trạm lên đỉnh cột phát sóng. T dùng kìm cắt đầu dây phía dưới ở gần vị trí bắt vít với bảng đồng nổi vào nhà trạm sau đó trèo lên trên cột phát sóng đến cuối đoạn dây nối với hộp thiết bị, dùng tay phải cầm kìm cắt đứt đầu dây phía trên ở vị trí gần nối với hộp thiết bị rồi trèo xuống đất. T cuộn đoạn dây lại mang đến chỗ L và H đang đợi, cho cuộn dây vào trong ba lô màu đen để trên giá để hàng xe mô tô của H và tiếp tục di chuyển về hướng xã D theo đường Quốc lộ.

Khi đi đến địa phận thôn K, xã D, L, T, H phát hiện cột thu phát sóng di động ở trên đồi phía bên trái đường Quốc lộ nên đã điều khiển xe đi rẽ vào lối đi bằng bê tông phía bên trái đường khoảng 500 mét thì đi tiếp theo lối đi bằng đất khoảng 500m thì dừng xe lại, H tiếp tục ở lại trông xe và cảnh giới còn L và T cầm cà lê, kìm cắt đi bộ 50 mét đến khu vực trạm thu phát sóng viễn thông thấy cột phát sóng của mạng V có 02 dây tiếp địa màu vàng sọc xanh nổi từ trong nhà trạm lên đầu cột phát sóng. T cầm kìm trèo lên trên cột đến cuối 02 đoạn dây nối vào hộp thiết bị, tay trái bám vào cột, tay phải cầm kìm cắt đứt 02 dây tiếp địa ở vị trí gần nối với hộp thiết bị rồi trèo xuống đất. L ở dưới dùng kìm cắt đứt 02 dây tiếp địa ở gần vị trí đầu nối với thiết bị tiếp địa, sau đó mỗi người cuộn 01 đoạn dây mang xuống vị trí H đang đứng đợi cho vào ba lô màu đen đang để trên giá để hàng xe mô tô của H và di chuyển về thị trấn K. Khi đi đến quán thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị H (*sinh năm 1984, trú tại Tổ 5, TT K*), L và T mang dây tiếp địa trộm cắp được bán cho chị H được 3.850.000 đồng. T cầm tiền rồi cả 3 đến nhà nghỉ S thuê phòng nghỉ ngơi, tại đây T chia đều cho mỗi người được 500.000 đồng, còn lại 2.350.000 đồng T giữ lại để chi tiêu chung. Do H nợ tiền T từ trước nên đã đưa lại số tiền 500.000 đồng trên trả cho T giữ. Chị Nguyễn Thị H sau khi mua số tài sản trên đã tiến hành tách vỏ nhựa được 6kg và cắt nhỏ các đoạn lõi đồng được 33kg, đến ngày 23/11/2020, đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra số vỏ nhựa và lõi đồng trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 24/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Bàn, kết luận trị giá tài sản mất trộm tại các trạm thu phát sóng viễn thông V ở xã M, T, D là 3.612.462 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 23/11/2020 tại nhà nghỉ S ở thị trấn K, L nói với T và H “*Bây giờ đi xuống Thác B xã L chơi chụp ảnh, xem có trạm phát sóng nào thì lấy trộm dây tiếp địa*”. T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75B1 - 254.18 của T chở L, H đi xe mô tô 75M1 - 034.88 một mình đi từ thị trấn K đến khu vực thôn L, xã K thì phát hiện cột phát sóng di động trên đồi phía bên phải đường nên đã điều khiển xe đi rẽ vào đường bê tông phía bên phải theo chiều đi khoảng 1km rồi đi vào lối đi bằng đất thêm 50m thì dừng xe lại. H ở lại trông xe và cảnh giới còn L và T cầm theo ba lô, kìm cắt, cà lê đi bộ khoảng 300m lên khu vực trạm thu phát

sóng viễn thông thấy trạm thu phát sóng của mạng V có 02 dây tiếp địa màu vàng sọc xanh nổi từ trong nhà trạm lên trên cột phát sóng. T cầm theo cả lê trèo lên trên cột phát sóng đến đoạn cuối dây tiếp địa bắt vít vào 02 bảng đồng nối với hộp thiết bị thì dùng cả lê tháo ốc vít gắn hai đầu dây tiếp địa và 02 bảng đồng được bắt bu lông nối với hộp thiết bị rồi trèo xuống. L ở dưới dùng cả lê tháo ốc vít gắn 02 đầu dây tiếp địa qua bu lông với bảng đồng ở vị trí dẫn nối vào nhà trạm. L, T cuộn 02 đoạn dây tiếp địa và 02 bảng đồng cho vào ba lô mang xuống đặt vào giá để hàng phía trước xe của H rồi cùng quay lại thị trấn K. Khi đi đến khu vực Tổ dân phố số 11 thì bị lực lượng công an huyện Văn Bàn phát hiện, lập biên bản kiểm tra thu giữ vật chứng gồm 02 đoạn dây tiếp địa M35 dài lần lượt là 33,25m và 34,8m; 01 bảng đồng có kích thước lần lượt là 30x10x60cm và 30x11x60cm, bề mặt có các lỗ tròn; 02 kim cắt bằng kim loại có tay cầm bọc vỏ nhựa; 02 cả lê cỡ 13 bằng kim loại màu trắng; 01 con dao dọc giấy có tay cầm bằng nhựa và một số đồ vật, tài sản khác.

Tại Kết luận định giá tài sản số 36 ngày 30/11/2020 và số 40 ngày 24/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Bàn, kết luận trị giá tài sản mất trộm tại trạm thu phát sóng viễn thông V ở xã K là 6.353.220 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS-VB ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử các bị cáo Phạm Dương Hoàng L, Nguyễn Quốc T, Trương Công H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đề nghị hội đồng xét xử:

* Tuyên bố các bị cáo Phạm Dương Hoàng L, Nguyễn Quốc T, Trương Công H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Về trách nhiệm hình sự: - Hình phạt chính: Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Dương Hoàng L từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Trương Công H từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước các công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade biển kiểm soát 75M1 - 034.88, số khung 483922, số máy 155463 kèm theo giấy đăng ký xe số 014087 mang tên Trương Công H; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 75B1 - 254.18, số khung 045044, số máy 045049 kèm theo giấy đăng ký xe số 024503 mang tên Châu Viết C.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước tài sản do trộm cắp mà có gồm: 33kg dây đồng.

- Tịch thu tiêu hủy các công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội do không còn giá trị sử dụng gồm: 02 (hai) chiếc kim cắt bằng kim loại, tay cầm có vỏ bằng nhựa; 02 (hai) cả lê 13 bằng kim loại; 01 (một) dao dọc giấy có tay cầm bằng nhựa

màu xanh; 01 (một) ba lô bằng vải màu xanh; 01 (một) ba lô bằng vải màu đen; 01 (một) túi đeo bằng vải màu đen; 06kg vỏ nhựa đã bị cắt nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo bị truy tố, tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận: Các bị cáo Phạm Dương Hoàng L, Nguyễn Quốc T, Trương Công H đi phượt, khi đi đến huyện T, tỉnh L do sắp hết tiền lên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là các dây tiếp địa của các trạm thu phát sóng di động nên đủ T và H đi trộm cắp. Biết các cột thu phát sóng di động của các trạm viễn thông thường có dây tiếp địa bên trong lõi bằng đồng và không có điện, các cột thu phát sóng này thường ở nơi vắng vẻ và không có người trông coi. Các bị cáo chuẩn bị 02 kìm cắt bằng kim loại; 02 chiếc cà lê cỡ 13; 01 dao dọc giấy và 01 ba lô bằng vải để trộm cắp tài sản. Khoảng 11 giờ, ngày 22/11/2020, T chở L bằng xe mô tô Sirius biển kiểm soát 75B1 - 254.18 là xe của T, H đi một mình bằng xe mô tô Airblade biển kiểm soát 75M1 - 034.88 từ huyện T, tỉnh L theo quốc lộ đến huyện V quan sát và vào các trạm viễn thông xã M, xã T, xã D, huyện V cắt các dây tiếp địa của các trạm phát sóng này. Trộm cắp được tài sản các bị cáo cho vào ba lô rồi mang về thị trấn K bán cho quán thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị H được 3.850.000đ. T cầm tiền rồi cả 3 đến nhà nghỉ S thuê phòng nghỉ ngơi và chia tiền. Bà Nguyễn Thị H sau khi mua số tài sản trên đã tách vỏ nhựa được 6kg và cắt nhỏ các đoạn lõi đồng được 33kg, đến ngày 23/11/2020, đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra số vỏ nhựa và lõi đồng trên.

Khoảng 13 giờ ngày 23/11/2020 các bị cáo tiếp tục xuống xã K, huyện V vào trạm thu phát sóng di động trộm cắp 02 đoạn dây tiếp địa và 02 bảng đồng rồi quay về thị trấn K. Khi đi đến khu vực Tổ dân phố số 11 thì bị lực lượng Công an huyện Văn Bàn phát hiện, lập biên bản kiểm tra thu giữ vật chứng gồm 02 đoạn dây tiếp địa M35 dài lần lượt là 33,25m và 34,8m; 02 bảng đồng có kích thước lần lượt là 30x10x60cm và 30x11x60cm; 02 kìm cắt bằng kim loại có tay cầm bọc vỏ nhựa; 02 cà lê cỡ 13 bằng kim loại màu trắng; 01 con dao dọc giấy có tay cầm bằng nhựa và một số đồ vật, tài sản khác.

Như vậy lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định trong hai ngày 22 và 23/11/2020 các bị cáo đã liên tiếp thực hiện nhiều trộm cắp tài sản của tập đoàn Bưu chính viễn thông V có tổng trị giá là 9.965.682đ (*chín triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng*). Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Dương Hoàng L, Nguyễn Quốc T, Trương

Công H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó: Bị cáo Phạm Dương Hoàng L là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với vai trò là người thực hành; Bị cáo Nguyễn Quốc T là người mua công cụ, phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Trương Công H là người cùng tham gia chuẩn bị công cụ phương tiện, thực hiện việc cảnh giới, vận chuyển tài sản trộm cắp. Vì vậy các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm với vai trò là người thực hành.

[3] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ. Là những thanh niên khỏe mạnh nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để có tiền tiêu sài. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo với một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong 02 ngày 22 và 23/11/2020 các bị cáo đã liên tiếp thực hiện nhiều trộm cắp tài sản của tập đoàn Bưu chính viễn thông V nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đại diện người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra bị cáo Phạm Dương Hoàng L có bố đẻ có thành tích tham gia xây dựng công trình đại thủy nông được UBND tỉnh Q - Đ tặng Bằng Khen. Các bị cáo chưa có vợ con, không có nghề nghiệp, không có tài sản gì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, **khoản 2** Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho các bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản các bị cáo trộm cắp ngày 23/11/2020 gồm: 02 đoạn dây tiếp địa dài lần lượt 33,25m và 34,8m có lõi đồng, vỏ nhựa màu vàng sọc xanh ghi chữ CADI-SUN:ELECTRIC CABLE 450/750U CU/PVC - VCSF 35SQHH; 02 bảng đồng lần lượt có kích thước 30x10x60cm và 30x11x60cm, cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; tài sản các bị cáo trộm cắp ngày 22/11/2020, các bị cáo đã làm biến dạng mất công năng sử dụng, bị hại yêu cầu bồi thường trị giá tài sản là 3.612.462đ, các bị cáo đã bồi thường cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

- Đối với bà Nguyễn Thị H: Là người đã bỏ ra 3.850.000đ mua các đoạn dây tiếp địa của các bị cáo, khi mua bà H không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, bà H đã giao nộp số tài sản trên cho cơ quan điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi được 3.767.000đ trả lại cho bà H, còn thiếu 83.000đ, bà H cho các bị cáo không yêu cầu

lấy lại nên không đề cập giải quyết. Khi mua các đoạn dây tiếp địa bà H không biết tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xử lý đối với bà H là phù hợp.

[7] Về vật chứng:

- Đối với các sợi dây đồng đã bị cắt nhỏ có trọng lượng 33kg. Đây là tài sản các bị cáo trộm cắp và bán cho bà Nguyễn Thị H cơ quan điều tra đã thu hồi nhưng tài sản đã mất công năng sử dụng, bị hại không lấy lại, các bị cáo đã bồi thường nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade biển kiểm soát 75M1 - 034.88, kèm theo giấy đăng ký xe số 014087 mang tên Trương Công H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 75B1 - 254.18, kèm theo giấy đăng ký xe số 024503 mang tên Châu Viết C (thu giữ của bị cáo T đã mua bán hợp pháp nhưng chưa sang tên theo quy định pháp luật). Đây là các công cụ, phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 02 chiếc kìm cắt bằng kim loại; 02 cờ lê 13 bằng kim loại; 01 dao dọc giấy có tay cầm bằng nhựa màu xanh; 01 ba lô bằng vải màu xanh; 01 ba lô bằng vải màu đen; 01 túi đeo bằng vải màu đen; các sợi vỏ nhựa màu vàng sọc xanh bị cắt nhỏ có trọng lượng 06kg là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và tài sản do phạm tội mà có không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

* Đối với các tài sản đã thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo và chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập giải quyết gồm:

- Trả lại: 01 ví da màu đen; 01 CMTND số 192167121, 01 giấy phép lái xe mô tô số 460157880636 mang tên Trương Công H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S màu xanh; tiền Việt Nam 760.000 cho chủ sở hợp pháp là bị cáo Trương Công H;

- Trả lại: 01 ví da màu nâu; 01 CMTND số 205857842 mang tên Phạm Dương Hoàng L; tiền Việt Nam 147.000đ; 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen; 01 điện thoại Mobell màu xanh cho chủ sở hữu hợp pháp là bị cáo Phạm Dương Hoàng L;

- Trả lại: 01 ví da màu đen; 01 giấy phép lái xe mô tô số 460156000587 mang tên Nguyễn Quốc T; 01 điện thoại Huawei Nova 2i màu xanh; tiền Việt Nam 8.000.000đ cho chủ sở hữu hợp pháp là bị cáo Nguyễn Quốc T;

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Dương Hoàng L, Nguyễn Quốc T, Trương Công H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Dương Hoàng L 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/11/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/11/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Trương Công H 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/11/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước các công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade biển kiểm soát 75M1 - 034.88, số khung 483922, số máy 155463 kèm theo giấy đăng ký xe số 014087 mang tên Trương Công H; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 75B1 - 254.18, số khung 045044, số máy 045049 kèm theo giấy đăng ký xe số 024503 mang tên Châu Viết C.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước tài sản do trộm cắp mà có gồm: 33 (ba mươi ba) ki lô gam dây đồng.

- Tịch thu tiêu hủy các công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội do không còn giá trị sử dụng gồm: 02 (hai) chiếc kìm cắt bằng kim loại, tay cầm có vỏ bằng nhựa; 02 (hai) cà lê 13 bằng kim loại; 01 (một) dao dọc giấy có tay cầm bằng nhựa màu xanh; 01 (một) ba lô bằng vải màu xanh; 01 (một) ba lô bằng vải màu đen; 01 (một) túi đeo bằng vải màu đen; 06kg vỏ nhựa đã bị cắt nhỏ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Dương Hoàng L, Nguyễn Quốc T, Trương Công H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(01);
- Bị hại; Đại diện bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái